

Bản án số: 312/2025/DS-ST  
Ngày 19-8-2025  
V/v tranh chấp hợp  
đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Xuân Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Phương Hồ
- Ông Lê Văn Rồi

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký  
Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà  
Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST-DSST  
ngày 14 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số 60B/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 và  
Quyết định hoãn phiên tòa số 60C/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; Địa chỉ trụ sở: Số 266-268,  
đường N, phường V, Quận 3 (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh; *Người*  
*đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;

*Đại diện theo uỷ quyền:* Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác  
Tài sản Ngân hàng Sài Gòn T; *Đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Ngọc T – Tổng  
giám đốc;

*Đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Đức T1 – Nhân viên Ngân hàng TMCP  
Sài Gòn T; Địa chỉ liên lạc: Lầu 6, số 278, đường N, phường V, Quận 3 (nay là  
phường Xuân H), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1988; Chứng minh nhân dân số  
341298978, cấp ngày 09/5/2016, tại Công an tỉnh Đồng Tháp; Đăng ký thường  
trú: Số 31/26, đường R, tổ 04, khóm 2, Phường 1, thành phố S (nay là phường  
S), tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 7, ấp 4A, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành  
phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/01/2023 và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ngày 20/12/2016, ông Nguyễn Quốc C có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Quốc C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.114.358.452 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Quốc C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Quốc C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.081.591.545 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí/ hoặc lãi của kỳ trước, Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, Các khoản phí/ hoặc lãi trong kỳ, Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Quốc C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/01/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 46.117.768 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 19/08/2025, ông Nguyễn Quốc C còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Nợ gốc là 46.117.768 đồng + Lãi quá hạn là 121.644.637 đồng. Tổng cộng là 167.762.405 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm lẻ năm đồng chẵn).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 46.117.768 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng ( $2.6\% \times 150\%$ ) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng tính đến ngày 19/8/2025 là 167.762.405 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 46.117.768 đồng, lãi quá hạn là 121.644.637 đồng; và có trách nhiệm thanh

toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng, Quyết định tái bổ nhiệm số 824 ngày 07/3/2023, Giấy ủy quyền số 2029 ngày 10/7/2023 + Căn cước công dân của ông T1, Giấy ủy quyền số 2535A ngày 12/10/2022 + Căn cước công dân của ông T; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Thông báo khởi kiện ngày 12/12/2022; Sổ hộ khẩu + Chứng minh nhân dân photo của bị đơn; Giấy ủy quyền số 4945 ngày 24/12/2023; Tóm tắt sao kê; Chứng minh nhân dân ông C + Sổ tạm trú (photo); Tóm tắt sao kê đến ngày 19/8/2025.

*Bị đơn ông Nguyễn Quốc C* đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt; do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C. Quá trình tố tụng, ông C không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Kiến nghị Tòa án khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 91, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Quốc C phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 167.762.405 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm lẻ năm đồng chẵn). Trong đó: Nợ gốc là 46.117.768 đồng, lãi quá hạn là 121.644.637 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xét thấy bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã , huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc C thanh toán số tiền tổng cộng tính đến ngày 19/8/2025 là 167.762.405 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm lẻ năm đồng chẵn). Trong đó: Nợ gốc là 46.117.768 đồng, lãi quá hạn là 121.644.637 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 20/12/2016, ông Nguyễn Quốc C có ký với Ngân hàng T Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi được cấp thẻ, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.114.358.452 đồng, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.081.591.545 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến nay, ông C còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 167.762.405 đồng; trong đó: Nợ gốc là 46.117.768 đồng, lãi quá hạn là 121.644.637 đồng, như phía nguyên đơn yêu cầu là đúng. Như vậy, phía bị đơn ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng phía ông C đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định.

[2.2] Xét thấy, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu là đúng và phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 7, 8, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Quốc C trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 167.762.405 đồng; trong đó: Nợ gốc là 46.117.768 đồng, lãi quá hạn là 121.644.637 đồng.

[3] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; xét thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Hội đồng xét xử ghi nhận kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và rút kinh nghiệm.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;
- Căn cứ vào các Điều 7, 8, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc C thanh toán số nợ tổng cộng là 167.762.405 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm lẻ năm đồng chẵn).

Buộc ông Nguyễn Quốc C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền tổng cộng là 167.762.405 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm lẻ năm đồng chẵn).

Trong đó gồm: Nợ gốc là 46.117.768 đồng (bốn mươi sáu triệu, một trăm mười bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng); lãi quá hạn là 121.644.637 đồng (một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 8.388.120 đồng (tám triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, một trăm hai mươi đồng) buộc ông Nguyễn Quốc C phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 3.061.848 đồng (ba triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0018667 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

[3]. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 8 – Tp. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Xuân Lan**